|  |  |
| --- | --- |
| **BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**PHỔ THÔNG**

*CầnGiờ, ngàythángnăm 2020*

**BẢNG ĐIỂM**

**Đánhgiáantoàntrongphòng, chốngdịch COVID-19**

**tạicơsởgiáodụcphổthôngtrênđịabànThànhphốHồChí Minh**

**ĐƠN VỊ: ………………………………………..**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tiêuchí** | **Nội dung tiêuchí** | **Điểmtốiđa** | **Điểmtựchấm** | **Biệnphápkhắcphụccáctiêuchícóđiểmthấp** | **Thẩmđịnhcủa Ban Chỉđạo** |
| 1 | **Tiêu chí thành phần 1 (TP1** | **Số lượng học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên tập trung tối đa trong một thời điểm tại cơ sở giáo dục phổ thông:** |  |  |  |  |
| - Dưới 500 người: | 10 điểm; |  |  |  |
| - Từ 500 đến dưới 1000 người: | 08 điểm; |  |  |  |
| - Từ 1000 đến dưới 2000 người: | 05 điểm; |  |  |  |
| - Từ 2000 đến dưới 3000 người: | 03 điểm; |  |  |  |
| - Từ 3000 người trở lên: | 00 điểm. |  |  |  |
| 2 | **Tiêu chí thành phần 2 (TP2)** | **Mật độ học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên tập trung trong phòng học, phòng làm việc** |  |  |  |  |
| - Từ1 m trở lên | 10 điểm |  |  |  |
| - Dưới 1m | 00 điểm |  |  |  |
| 3 | **Tiêu chí thành phần 3 (TP3)** | **Khoảng cách học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên ngoài phòng học, phòng làm việc** |  |  |  |  |
| - Từ1 m trở lên | 10 điểm |  |  |  |
| - Dưới 1m | 00 điểm |  |  |  |
| 4 | **Tiêu chí thành phần 4 (TP4)** | **Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên thường xuyên rửa tay với xà phòng hoặc nước sát khuẩn trước khi vào lớp, có dụng cụ uống nước sạch riêng biệt cho mỗi người** |  |  |  |  |
| 01 vòi rửa tay có xà phòng/30 người và mỗi phòng học, phòng làm việc đều có đủ nước rửa tay sát khuẩn và mỗi người có dụng cụ uống nước sạch riêng biệt | 10 điểm |  |  |  |
| - Không đủ 01 vòi rửa tay có xà phòng/30 người hoặc có phòng học hay phòng làm việc không có đủ nước rửa tay sát khuẩn hoặc có người không có dụng cụ uống nước sạch riêng biệt | 00 điểm |  |  |  |
| 5 | **Tiêu chí thành phần 5 (TP5)** | **Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên đeo khẩu trang trong trường** |  |  |  |  |
| Tất cả học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên đeo khẩu trang | 10 điểm |  |  |  |
| - Có học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên không đeo khẩu trang | 00 điểm |  |  |  |
| 6 | **Tiêu chí thành phần 6 (TP6)** | **Học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên được kiểm tra nhiệt độ khi vào trường hoặc lớp học** |  |  |  |  |
| Tất cả học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên được kiểm tra nhiệt độ khi vào trường hoặc lớp học | 10 điểm |  |  |  |
| - Có học sinh, giáo viên, cán bộ, nhân viên không được kiểm tra nhiệt độ khi vào trường hoặc lớp học | 00 điểm |  |  |  |
| 7 | **Tiêu chí thành phần 7 (TP7)** | **Học sinh đi học bằng xe đưa rước** |  |  |  |  |
| Không tổ chức xe đưa rước học sinh | 10 điểm |  |  |  |
| - Có tổ chức xe đưa rước học sinh và đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định | 05 điểm |  |  |  |
| - Có tổ chức xe đưa rước học sinh và không đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định |  00 điểm |  |  |  |
| 8 | **Tiêu chí thành phần 8 (TP8)** | **Tổ chức hoạt động bán trú, căn tin** |  |  |  |  |
|  | Không tổ chức hoạt động bán trú, căn tin | 10 điểm |  |  |  |
| - Có tổ chức hoạt động bán trú, căn tin và đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định | 05 điểm |  |  |  |
| - Có tổ chức hoạt động bán trú, căn tin và không đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định | 00 điểm. |  |  |  |
| 9 | **Tiêu chí thành phần 9 (TP9)** | **Phòng cách ly** |  |  |  |  |
| Có phòng cách ly đúng quy định | 10 điểm |  |  |  |
| - Không có phòng cách ly đúng quy định | 00 điểm |  |  |  |
| 10 | **Tiêu chí thành phần 10 (TP10)** | **Trường học có học sinh nội trú** |  |  |  |  |
| - Không có học sinh nội trú | 10 điểm; |  |  |  |
| - Có học sinh nội trú và đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định | 05 điểm |  |  |  |
| - Có học sinh nội trú và không đảm bảo phòng, chống dịch đúng quy định | 00 điểm |  |  |  |
|  |  | **TỔNG CỘNG** | **100** |  | **TựĐánhgiá: an toàn rất cao** | **Thẩmđịnh:** |

**ĐOÀN THẨM ĐỊNH HIỆU TRƯỞNG**

 ***(Kýtênvàđóngdấu)***

**II. ĐÁNH GIÁ:**

**1.**Đánh giá Tiêu chí an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với cơ sở giáo dục phổ thông là TCAT:

TCAT = (TP1 + TP2 + .... + TP10)/100.

**2.** Nếu TCAT bằng:

- Từ 90% đến 100%: Mức độ an toàn rất cao (Được tổ chức hoạt động dạy học);

- Từ 70% đến dưới 90%: Mức độ an toàn cao (Được tổ chức hoạt động dạy học, phải kiểm tra định kỳ để khắc phục các hạn chế ở tiêu chí thành phần thấp điểm);

- Từ 50% đến dưới 70%: Mức độ an toàn trung bình (Có thể tổ chức hoạt động dạy học nhưng phải thường xuyên kiểm tra để khắc phục các hạn chế ở các tiêu chí thành phần thấp điểm);

- Từ 30% đến dưới 50%: Mức độ an toàn thấp (Phải có giải pháp đảm bảo an toàn mới được tổ chức hoạt động dạy học);

- Dưới 30%: Mức độ an toàn rất thấp (Không được tổ chức hoạt động dạy học)./.